

TÒA ÁN ND HUYỆN THÁI THỤY CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH THÁI BÌNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 97/2021/HS-ST

Ngày 26/10/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án ND huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021, đối với:

1. Họ và tên: Tạ Văn L; tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam;

Sinh ngày 06/7/19xx;

Nơi cư trú:, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Trình Đ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân;

Cha đẻ: Tạ Thanh H, sinh năm 19xx; Mẹ đẻ: Phạm Thị X, sinh năm 19xx, đều có nơi cư trú thôn B, xã A, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

Có hai vợ đều đã ly hôn.

Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã A, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình từ ngày 13/7/2021 cho đến nay.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị L C; tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ;

Sinh ngày 03/9/1996;

Nơi cư trú:, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Trình Đ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân;

Cha đẻ: Nguyễn Văn K, sinh năm 19xx; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx, đều trú tại , huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định;

Chồng: Triệu Quốc Tr, sinh năm 19xx, Nơi cư trú: huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Bị cáo có 01 con, sinh năm 2018

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định từ ngày 13/7/2021 cho đến nay.

2.2. Người tố giác:

Ông Triệu Văn G, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Xóm Tiền Phong 1, xã M, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

2.3 Người làm chứng:

Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn Vạn Đoàn, xã Hồng Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt 02 bị cáo L, C và ông G; Vắng mặt ông Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/11/2017, Nguyễn Thị L C đăng ký kết hôn với anh Triệu Quốc Trường. Đến năm 2019 anh Trường đi xuất khẩu lao Đng tại Nhật Bản, hiện nay vẫn đang sống và làm việc tại Nhật Bản. Đến tháng 7/2020 C đi học tiếng Nhật trên thành phố Hà Nội, mục đích được sang Nhật làm việc cùng chồng. Nhưng quá trình học tiếng thì C quen biết với Tạ Văn L. Sau đó hai người đã nảy sinh tình cảm và muốn đi đến kết hôn. Khi quen nhau, C đã có nói L biết hiện C đã có chồng. Để được kết hôn với nhau thì C và L đều biết bản thân C phải có giấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi C sinh sống về tình trạng Đc thân. Do đó, hai người đã cùng bàn bạc và vào trang facebook tìm kiếm và thấy nhóm “làm giấy tờ lấy nhanh” thì hai người nhắn tin để đặt mua giấy tờ xác nhận tình trạng Đc thân giả. Sau khi thống nhất thỏa thuận giá cả và cung cấp đầy đủ thông tin của C cho nhóm “làm giấy tờ lấy nhanh” xong thì ít ngày sau có hai thanh niên không biết tên, địa chỉ điện thoại hẹn và đến trung tâm học tiếng Nhật đưa cho L 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 87/UBND-XNTTHN, ngày 24/3/2021 làm giả của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xác nhận cho Nguyễn Thị L C chưa đăng ký kết hôn với ai, trong giấy người trình đề nghị là cán bộ tư pháp tên Nguyễn Thị Phương, người ký là Phó chủ tịch Phạm Văn Thử và đóng dấu tròn đỏ giả của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định (U.B.N.D XÃ M H.NAM TRỰC T.NAM ĐỊNH). Khi nhận được giấy tờ giả, L đã thanh toán tiền hết 1.660.000 đồng, còn hai thanh niên sau khi nhận tiền đi đâu không rõ. Khi có được giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả của Ủy ban nhân dân xã M thì C và L đến Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thái Thụy để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vì không biết

đó là giấy tờ giả, nên ngày 24/3/2021 Ủy ban nhân dân xã A đã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 24/3/2021 cho C và L. Sau khi biết sự việc, ngày 21/5/2021 ông Triệu Văn G, (là bố chồng của Nguyễn Thị L C) làm đơn gửi tới Công an xã A và Công an huyện Thái Thụy, tố giác C và L đã có hành vi sử dụng giấy tờ giả để đăng ký kết hôn và vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Ngày 06/9/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M về tình trạng hôn nhân của Nguyễn Thị L C và Nguyễn Quốc Trường thì hiện tại hai người vẫn đang trong tình trạng quan hệ hôn nhân hợp pháp. Mặt khác, ngày 24/3/2021 Ủy ban nhân dân xã M không cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho Nguyễn Thị L C và tại Ủy ban nhân dân xã M từ trước đến nay không có cán bộ tư pháp tên Nguyễn Thị Phương và không có đồng chí phó chủ tịch tên Phạm Văn Thế như đã nêu trong giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nêu trên. Do đó, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập các mẫu vật là văn bản, giấy tờ có dấu tròn đỏ của Ủy ban nhân dân xã M (ký hiệu từ M1-M5) để làm căn cứ phục vụ quá trình điều tra vụ án.

Tại bản Kết luận giám định số 32/KLGĐTL-PC09 ngày 23/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D XÃ M H.NAM TRỰC T.NAM ĐỊNH ” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Vật chứng vụ án: 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả của Ủy ban nhân dân xã M, số 87/UBND-XNTTHN, ngày 24/3/2021; Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 24/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã A được thu thập và đưa vào trong hồ sơ vụ án để phục vụ quá trình giải quyết vụ án

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Tạ Văn L và Nguyễn Thị L C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 91/CT-VKSTT ngày 30/9/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố các bị cáo Tạ Văn L và Nguyễn Thị L C về tội “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt 02 bị cáo mỗi bị cáo mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 2 năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả của Ủy ban nhân dân xã M, số 87/UBND-XNTTHN, ngày 24/3/2021; Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 24/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã A đề nghị tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

Tại phiên Tòa ông Triệu Văn G đề nghị xem xét hành vi vi phạm chế Đ hôn nhân một vợ một chồng của bị cáo L và bị cáo C.

Bị cáo L trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi của mình, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Bị cáo C trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi của mình, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận: Tạ Văn L và Nguyễn Thị L C đã biết việc Nguyễn Thị L C đang có chồng là anh Triệu Quốc Trưởng nhưng vẫn cùng nhau thực hiện hành vi liên hệ với người không quen biết trên mạng xã hội để làm giả 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 87/UBND-XNTTHN, ngày 24/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Sau đó, cả hai sử dụng giấy tờ giả trên để đăng ký kết hôn trái pháp luật tại UBND xã A, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: Bản Kết luận giám định số 32/KLGĐTL-PC09 ngày 23/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình. Các quyết định; thông báo; công văn của Ủy ban nhân dân xã M dùng để làm mẫu so sánh giám định. Bản sao giấy chứng nhận kết hôn giữa Nguyễn Thị L C với Triệu Quốc Trưởng. Đơn tố cáo và lời khai của ông Triệu Văn G. Lời khai của ông Nguyễn Tiến Đ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy có đủ cơ sở kết luận, hai bị cáo Tạ Văn L và Nguyễn Thị L

C đã phạm tội :Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội mặc dù có sự bàn bạc thống nhất nhưng không có sự phân công vai trò cụ thể của từng người nên các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm và vai trò ngang nhau.

[5] Về hình phạt chính: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan nhà nước nên cần phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, hai bị cáo đều có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có công việc tương đối ổn định. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một phần là do thiếu hiểu biết pháp luật, không lường trước được hậu quả xảy ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo, lao Động trong sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hành vi của các bị cáo là bột phát, không vì mục đích vụ lợi, bản thân các bị cáo không có tài sản riêng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả của Ủy ban nhân dân xã M, số 87/UBND-XNTTHN, ngày 24/3/2021; Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 24/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã A đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Xét thấy các tài liệu này dùng để chứng minh tội phạm nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[8] Những vấn đề liên quan:

[8.1] Về việc hủy kết hôn trái pháp luật: Do các bị cáo dùng giấy tờ giả để đăng ký kết hôn. UBND xã A không biết đã đăng ký kết hôn cho bị cáo Nguyễn Thị L C và Tạ Văn L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 24/3/2021. Ngày 30/9/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã ra công văn số 56/CV – VKSTT gửi Hội liên hiệp phụ nữ xã A, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ra văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền ra quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật của Tạ Văn L và Nguyễn Thị L C. Vì vậy, vụ việc này sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[8.2] Ngoài việc tố giác L và C sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để đăng ký kết hôn, ông Triệu Văn G còn tố giác L và C về hành vi “Vi phạm chế Đ một vợ, một chồng”. Tại phiên tòa, cả hai bị cáo đều thừa nhận đã có thời gian ngắn vào khoảng giữa tháng 5 năm 2021 sau khi học tiếng Nhật xong, cả hai đã về ở cùng nhau tại nhà bị cáo Tạ Văn L ở thôn B, xã A. Nhưng do quan hệ hôn nhân giữa Nguyễn Thị L C và Triệu Quốc Trường vẫn đang hợp pháp chưa dẫn đến hậu quả ly hôn và hai bị cáo đều chưa bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm chế Đ một vợ một chồng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy không khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi trên là có căn cứ.

[8.3] Về nguồn gốc giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 87/UBND-XNTTHN, ngày 24/3/2021 làm giả của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, các bị cáo khai giao dịch mua qua mạng facebook nhưng đến nay không còn nhớ rõ địa chỉ cụ thể của trang mạng facebook đó và đều không biết tên, tuổi và địa chỉ của 02 người thanh niên đến giao dịch và lấy tiền bán tài liệu giả, nên cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy tiếp tục điều tra xác minh.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 65, 331, 333 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 136 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án đối với cả hai bị cáo.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Tạ Văn L và Nguyễn Thị L C phạm tội “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Tạ Văn L 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Tạ Văn L cho Ủy

ban nhân dân xã A, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L C 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Thị L C cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

3. Về án phí: Hai bị cáo Tạ Văn L và Nguyễn Thị L C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị L C, Tạ Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26/10/2021.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND Thái Thụy;
- Công an Thái Thụy;
- C cục THADS Thái Thụy;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã A;
- UBND xã M, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.
- Bộ phận HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương